

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIII
KỲ HỌP TỔNG KẾT NHIỆM KỲ 2016 - 2021**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Xét Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị ban hành Quy định mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

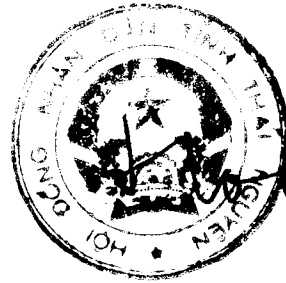
1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng các quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khoá XIII, Kỳ họp tổng kết nhiệm kỳ 2016 - 2021 thông qua ngày 23 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 03 tháng 4 năm 2021. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp (kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIII;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH *Minh*

CHỦ TỊCH**Phạm Hoàng Sơn**

QUY ĐỊNH

Mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

*Được ban hành theo Nghị quyết số: M/2021/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (gọi chung là UBND cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND cấp xã).

b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quy định chung

1. Kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên do ngân sách nhà nước đảm bảo.

2. Ngoài số kinh phí phục vụ bầu cử được ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ, căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của từng cấp, các huyện, thành phố, thị xã thực hiện bổ sung kinh phí từ ngân sách địa phương để phục vụ cho công tác bầu cử tại địa phương theo quy định hiện hành.

3. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

4. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng một mức bồi dưỡng, hỗ trợ cao nhất; danh sách chi bồi dưỡng, hỗ trợ theo Quyết định, văn bản thành lập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Nội dung và mức chi

1. Mức chi cụ thể

STT	Nội dung chi tiết	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chi tổ chức hội nghị				
	- Hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương, hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử; hội nghị tập huấn, hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết, khen thưởng (<i>Chi trang trí khánh tiết, âm thanh, nước uống, văn phòng phẩm, chi khác... phục vụ hội nghị</i>)		Thực hiện theo Mục II Phụ lục II Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27/10/2017 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định về mức chi hội nghị đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên		
	- Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia công tác bầu cử		Thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 và Quyết định số 323/QĐ-BTC ngày 01/3/2019 đính chính Thông tư số 36/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính		
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp				
2.1	Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp	Nghìn đồng/ Người/ buổi			
	- Chủ trì cuộc họp		200	160	120
	- Thành viên tham dự		100	80	60
	- Các đối tượng phục vụ		50	40	30
2.2	Các cuộc họp của Tổ công tác giúp việc, các cuộc họp khác có liên quan đến công tác bầu cử	Nghìn đồng/ Người/ buổi			
	- Chủ trì cuộc họp		150	120	90
	- Thành viên tham dự		80	60	50
	- Các đối tượng phục vụ		50	40	30
3	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, các tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo và Ủy ban bầu cử				
3.1	Chế độ thanh toán công tác phí		Thực hiện theo Mục I Phụ lục II Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27/10/2017 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định mức chi công tác phí đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên		

STT	Nội dung chi tiết	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
3.2	Chi bồi dưỡng các đoàn công tác (ngoài chế độ công tác phí đã quy định ở trên)	Nghìn đồng/ Người/ buổi			
	- Trưởng đoàn		200	160	120
	- Thành viên chính thức của đoàn		100	80	60
	- Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn, bao gồm:				
	+ Cán bộ phục vụ trực tiếp		80	60	50
	+ Phục vụ gián tiếp (lái xe, bảo vệ)		50	40	30
3.3	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát				
	- Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử	Nghìn đồng/ Báo cáo	2.000	1.600	1.200
	- Chi bồi dưỡng tham gia ý kiến của Ủy ban bầu cử đối với báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát - Tổng mức tối đa cấp tỉnh không quá 800.000đ/người/văn bản, cấp huyện không quá 640.000đ/người/văn bản, cấp xã không quá 480.000đ/người/văn bản	Nghìn đồng/ Người/ lần	150	120	90
	- Chi chỉnh lý hoàn chỉnh báo cáo	Nghìn đồng/ Báo cáo	600	450	350
4	Chi xây dựng văn bản				
4.1	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử	Thực hiện theo Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh Thái Nguyên.			
4.2	Chi xây dựng các văn bản khác có liên quan đến công tác bầu cử có phạm vi toàn tỉnh, toàn huyện, thành phố, thị xã ngoài phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND do Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Sở Nội vụ, Mặt trận Tổ quốc ban hành (Kế hoạch, Thông tri, văn bản hướng dẫn công tác bầu cử, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử toàn tỉnh, toàn huyện)				

STT	Nội dung chi tiết	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	- Xây dựng văn bản tính đến sản phẩm cuối cùng (bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)				
	+ Văn bản có nội dung phức tạp, chi tiết (từ 4 mặt giấy A4 trở lên)	Nghìn đồng/ Văn bản	2.000	1.500	
	+ Văn bản khác		1.000	500	
	- Xin ý kiến tham gia văn bản (tổng mức xin ý kiến tối đa cấp tỉnh không quá 800.000đ/người/văn bản, cấp huyện không quá 600.000đ/người/văn bản)	Nghìn đồng/ Người/ lần	150	100	
5	Chi bồi dưỡng người trực tiếp phục vụ đợt bầu cử				
5.1	Chi bồi dưỡng theo mức khoán đối với Ban Chỉ đạo và Ủy ban bầu cử				
	- Trưởng ban, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử	Nghìn đồng/ Người/ tháng	2.000	1.600	1.200
	- Thành viên Ban Chỉ đạo, thành viên Ủy ban bầu cử		1.800	1.400	1.100
	- Thành viên Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử		1.500	1.200	900
5.2	Đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại Tổ giúp việc)	Nghìn đồng/ Người/ ngày	100	80	60
5.3	Riêng 02 ngày (trước ngày bầu cử và ngày bầu cử) chi bồi dưỡng tất cả lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử (danh sách hưởng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt)	Nghìn đồng/ Người/ ngày	100	150	150
5.4	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động				
	- Trưởng ban, Phó trưởng Ban Chỉ đạo; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử		400	300	240
	- Thành viên Ban Chỉ đạo, Thành viên Ủy ban bầu cử	Nghìn đồng/ Người/ tháng	300	240	200
	- Các thành viên Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử		200	160	100

STT	Nội dung chi tiết	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
5.5	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử	Nghìn đồng/ Người/ ngày			
	- Người được giao trực tiếp công dân		80	80	80
	- Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân		60	60	60
	- Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân		50	50	50
6	Chi đóng hòm phiếu: Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa	Nghìn đồng/ Hòm	350	350	350
7	Chi khắc dấu: Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa	Nghìn đồng/ Dấu	250	250	250
8	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử: Trường hợp chưa có bảng niêm yết hoặc bảng cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa	Nghìn đồng/ Bảng	1.500	1.500	1.500
9	Chi bồi dưỡng cho các thành viên Ban bầu cử, Tổ bầu cử	Nghìn đồng/ Người/ ngày	100	100	100

2. Một số nội dung chi khác

a) Chi in ấn tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử; in thẻ cử tri, phiếu bầu cử, nội quy phòng/khu vực bỏ phiếu, các biểu mẫu phục vụ công tác bầu cử, phù hiệu cho nhân viên tổ chức bầu cử, các hồ sơ ứng cử, tiểu sử, các loại danh sách phục vụ công tác bầu cử; các biên bản liên quan đến bầu cử, giấy chứng nhận đại biểu trúng cử và các loại giấy tờ, tài liệu khác liên quan phục vụ cho công tác bầu cử.

b) Chi công tác đảm bảo an ninh trật tự, thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử; chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 đảm bảo các điều kiện phục vụ công tác bầu cử.

c) Chi phí hành chính phục vụ công tác bầu cử: Chi văn phòng phẩm; chi trang trí, loa đài; chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu; chi an ninh bảo vệ tại các Tổ bầu cử...

d) Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp công tác bầu cử.

Các cơ quan, đơn vị thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu hiện hành và các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo chứng từ chi hợp pháp trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Thời gian được hưởng hỗ trợ

1. Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử và thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động: Tính từ thời gian quyết định thành lập Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Tổ giúp việc có hiệu lực đến khi kết thúc nhiệm vụ.

2. Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng đối với các thành viên tham gia các Ban bầu cử, Tổ bầu cử, lực lượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tổ chuyên viên giúp việc): Theo thời gian thực tế nhưng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử).

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nội dung công việc các sở, ban, ngành, địa phương đã triển khai thực hiện trước khi Quy định này có hiệu lực; các sở, ban, ngành và các địa phương căn cứ quy định tại Nghị quyết này và chứng từ chi tiêu thực tế hợp pháp, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Căn cứ tình hình thực tế, trường hợp cần bổ sung chế độ chính sách liên quan đến công tác phòng, chống dịch Covid-19, các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện theo các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hướng dẫn về công tác phòng, chống dịch Covid-19 đảm bảo kịp thời, có hiệu quả.

2. Xây dựng dự toán và phân bổ kinh phí hỗ trợ

a) Đối với các sở, ban, ngành thuộc tỉnh: Căn cứ nhiệm vụ, hoạt động phục vụ công tác bầu cử được giao, căn cứ chế độ chi tiêu được quy định tại văn bản này và các chế độ chi tiêu hiện hành, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh lập dự toán kinh phí bầu cử gửi Sở Nội vụ, Sở Tài chính.

b) Đối với các địa phương

Căn cứ số lượng cử tri, số Tổ bầu cử, căn cứ nhiệm vụ, chế độ chi tiêu được quy định tại văn bản này và các chế độ chi tiêu hiện hành, Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn các Tổ bầu cử, Ban bầu cử, các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện xây dựng dự toán kinh phí gửi Ủy ban bầu cử cùng cấp tổng hợp gửi Ủy ban bầu cử cấp trên.

Ủy ban bầu cử cấp huyện tổng hợp, thẩm định kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của địa phương mình, gửi Sở Nội vụ, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo theo quy định.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện thẩm định, tổng hợp dự toán kinh phí phục vụ bầu cử của các sở, ban, ngành, đoàn thể và các địa phương báo cáo Ủy ban bầu cử xem xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ kinh phí.

4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện Nghị quyết, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử theo đúng quy định.

5. Khi các văn bản quy định về chế độ, mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

